

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-PT

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Vũ

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be

Bà Dương Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện D3, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị C, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị D, sinh năm 1953; (có mặt)
2. Ông Đinh Văn L, sinh năm 1957; (có mặt)
3. Ông Đinh Văn C1, sinh năm 1960; (có mặt)
4. Chị Trần Thị R, sinh năm 1976;
5. Chị Trần Thị N, sinh năm 1978;
6. Anh Trần Văn B, sinh năm 1980;

7. Anh Trần Văn N1, sinh năm 1983;

8. Anh Trần Văn B1, sinh năm 1990;

Cùng cư trú tại: Ấp L3, xã C4, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh.

9. Anh Lê Văn H, sinh năm 2000;

10. Anh Đinh Văn D1, sinh năm 2004;

11. Anh Đinh Văn D2, sinh năm 1992;

12. Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1997;

13. Cháu Đinh Gia H1, sinh năm 2015;

14. Cháu Đinh Gia T1, sinh năm 2016;

Người đại diện theo pháp luật của cháu H1, cháu T1: Anh Đinh Văn D2, chị Nguyễn Thị Ngọc T;

15. Bà Đào Thị L1, sinh năm 1971;

Cùng cư trú tại: Ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh

16. Chị Lê Thị H2, sinh năm 1993; cư trú tại: Tổ 20, ấp H3, xã H4, Huyện T2, tỉnh Tây Ninh;

17. Chị Trần Thị M, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp N2, xã C4, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh.

- **Người kháng cáo:** người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- bà Đinh Thị D, ông Đinh Văn L và ông Đinh Văn C1.

- **Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện D3, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị C trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Đinh Văn D4 (chết năm 1980), cụ Trần Thị L2 (chết năm 2019). Cha mẹ bà có 09 người con chung, gồm:

- Ông Đinh Văn N2 (chết năm 1976- không có vợ con),

- Ông Đinh Văn C2 (chết năm 1976- không có vợ con),

- Bà Phan Thị D5 (chết năm 2016) có chồng là ông Trần Văn Thiết (chết năm 2014). Bà D5, ông Thiết có 06 người con chung: chị Trần Thị R, sinh năm 1976, chị Trần Thị N, sinh năm 1978, anh Trần Văn B, sinh năm 1980, anh Trần Văn N1, sinh năm 1983, **chị Trần Thị M, sinh năm 1985**, anh Trần Văn B1, sinh năm 1990. Việc bà D5 mang họ Phan là do lúc còn nhỏ bệnh nhiều, khó nuôi nên cụ D4, cụ L2 đổi họ cho bà D5 để dễ nuôi. Bà D5 là con ruột của cụ D4, cụ L2.

- Bà Đinh Thị D, sinh năm: 1953

- Ông Đinh Văn C1, sinh năm 1957

- Ông Đinh Văn L, sinh năm 1960

- Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1962

- Bà Đinh Thị C, sinh năm 1978

- Bà Đinh Thị C3 (chết năm 2011) có chồng là ông Lê Thái S, sinh năm 1965. Bà C3 và ông S có 02 con chung: Chị Lê Thị H2, sinh năm 1993 và anh Lê Văn H, sinh năm 2000.

Ngoài ra, cụ D4 và cụ L2 không còn người con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Các thừa kế của bà C3, bà D5 gồm các anh chị: Trần Thị R, Trần Thị N, Trần Văn B, Trần Văn N1, Trần Thị M, Trần Văn B1, Lê Thị H2, Lê Văn H đều từ chối hưởng di sản, đề nghị Tòa án ghi nhận.

Vào khoảng năm 2016-2017, cụ L2 đã làm thủ tục tặng cho đất các con, cụ thể: Bà C, bà D, ông L, ông C1 mỗi người được tặng cho khoảng 1.000 m²; ông Q khoảng 2.000 m². Đất tại ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh. Những người được tặng cho đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi cụ L2 tặng cho đất các con thì tài sản còn lại gồm có:

Diện tích đất 8.918 m² thửa đất số 462 tờ bản đồ 13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 296 776, sổ vào sổ CS 3355 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ L2 đứng tên ngày 11-11-2019. Trên đất có nhà cấp 4 của ông Q xây dựng.

Diện tích đất 1.130 m² thửa đất số 462 tờ bản đồ 13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 296 775, sổ vào sổ CS 3354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ L2 đứng tên ngày 11-11-2019. Trên đất có nhà cấp 4 của ông Q xây dựng.

Cả 2 phần đất cùng tọa lạc tại ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh. Hiện bà C đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ D4, cụ L2 chết không để lại di chúc.

Khi còn sống cụ L2 có hứa cho ông Q bằng lời nói diện tích đất 3.000 m² (nằm trong diện tích đất 8.918 m²), nhưng không làm giấy tờ gì. Đối với diện tích còn lại thì không có hứa cho, cũng không có di chúc gì xác định để lại cho ông Q.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia các diện tích đất 8.918 m² (bao gồm cả căn nhà trên đất do nguồn tiền xây nhà là của cụ L2) và 1.130 m² theo quy định pháp luật. Bà yêu cầu được hưởng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Bà không tranh chấp tài sản trên đất.

Đối với yêu cầu của ông Q thì bà không đồng ý.

Bị đơn ông Đinh Văn Q trình bày:

Thống nhất với lời khai của bà C về cha mẹ (cụ D4, cụ L2), các thừa kế của cụ D4, cụ L2; việc cụ L2 tặng cho đất các con vào năm 2016-2017 và di sản cụ L2 để lại hiện đang tranh chấp. Cụ D4, cụ L2 chết không để lại di chúc.

Ngoài ra, vào khoảng năm 2008 và năm 2019 cụ L2 có hứa cho ông diện tích khoảng 3.000 m² (nằm trong diện tích đất 8.918 m²) và diện tích đất 1.130 m² thửa đất số 462 tờ bản đồ 13. Việc cụ L2 hứa cho ông các diện tích đất này thì không có hợp anh em trong gia đình, không làm giấy tờ gì. Hiện ông là người thờ cúng cụ D4, cụ L2, ông N2 và ông C2. Khi cụ L2 đau, bệnh, chết thì ông là người chăm sóc, lo tang mẹ.

Nay đối với yêu cầu của bà C thì ông đồng ý chia khoảng 5.918 m² (nằm trong diện tích đất 8.918 m²) theo quy định pháp luật.

Ông yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho (tặng cho bằng lời nói) quyền sử dụng đất vào năm 2008 giữa cụ L2 và ông đối với diện tích đất 3.000 m² (nằm trong đất 8.918 m²) nằm trong thửa đất 462, tờ bản đồ 13, và 1.130 m² đất thửa đất số 462 tờ bản đồ 13. Đất tại ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh. Ông không tranh chấp tài sản trên đất.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đinh Thị D trình bày: Thừa nhận toàn bộ lời khai của bà C là đúng. Bà đồng ý với yêu C3 kiện của bà C; không có ý kiến gì khác. Bà yêu cầu được hưởng bằng quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu của ông Q thì bà không đồng ý.

Ông Đinh Văn L trình bày: Thừa nhận toàn bộ lời khai của bà C là đúng. Ông đồng ý với yêu C3 kiện của bà C; không có ý kiến gì khác. Ông yêu cầu được hưởng bằng quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu của ông Q thì ông không đồng ý.

Ông Đinh Văn C1 trình bày: Thừa nhận toàn bộ lời khai của bà C là đúng. Ông đồng ý với yêu C3 kiện của bà C; không có ý kiến gì khác. Ông yêu cầu được hưởng bằng quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu của ông Q thì ông không đồng ý.

Các anh chị: Trần Thị R, Trần Thị N, Trần Văn B, Trần Văn N1, Trần Thị M, Trần Văn B1 thống nhất trình bày: Các anh chị là con ruột của bà Phan Thị D5, thống nhất với toàn bộ lời khai của bà C. Đối với yêu C3 kiện của bà C và yêu cầu của ông Q thì các anh chị từ chối hưởng di sản thừa kế của cụ L2, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Chị Lê Thị H2 và anh Lê Văn H thống nhất trình bày: Anh chị là con ruột của bà Đinh Thị C3. Anh chị thống nhất với toàn bộ lời khai của bà C. Đối với yêu C3 kiện của bà C và yêu cầu của ông Q thì các anh chị từ chối hưởng di sản thừa kế của cụ L2, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Anh Đinh Văn D2 và chị Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất trình bày: Hiện vợ chồng anh chị đang sinh sống tại căn nhà trên phần đất diện tích 8.918 m² đang tranh chấp. Căn nhà này của ông Q xây và cho vợ chồng anh chị sinh sống. Nay anh chị **thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông Q**, không có ý kiến gì khác.

Bà Đào Thị L1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông Q, không có ý kiến gì khác.

Anh Đinh Văn D1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông Q, không có ý kiến gì khác.

Các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc, định giá. Diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế: Diện tích 1.130 m² thuộc thửa đất số 27 tờ bản đồ 13; diện tích 8.850,3 m² thuộc thửa đất số 462 tờ bản đồ 13. Đất trị giá 3.076.006.100 đồng. Phần đất ông Q yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho có diện tích 3.570,5 m² (nằm trong diện tích 8.850 m²) và diện tích 1.130 m² thuộc thửa đất số 27 tờ bản đồ 13.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện D3, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 612, 623, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1, 2 Điều 228; Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu C3 kiện của bà Đinh Thị C.

Không chấp nhận yêu C3 kiện của ông Đinh Văn Q.

1.1. Ông Đinh Văn Q được quyền quản lý, sử dụng 743,5 m² đất tại thửa đất số 27 (trong đó có 100 m² đất ONT; 643,5 m² đất CLN) và 4.598 m² đất CLN tại thửa đất số 462. Trên đất có hai căn nhà cấp 4.

1.2. Bà Đinh Thị C được quyền quản lý, sử dụng 386,5 m² đất (100 m² ONT; 286,5 đất CLN tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 13).

1.3. Bà Đinh Thị D được quyền quản lý, sử dụng 1.132,7 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13).

1.4. Ông Đinh Văn L được quyền quản lý, sử dụng 1.564,4 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13).

1.5. Ông Đinh Văn C1 được quyền quản lý, sử dụng 1.555,2 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13).

Đất cùng tọa lạc tại: Ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh. Việc chia đất trên có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

1.6. Các diện tích đất các thừa kế được chia trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 296 776, sổ vào sổ CS 3355; số CT 296 775, sổ vào sổ CS 3354 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Thị L2 đứng tên cùng ngày 11-11-2019.

1.7. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp cây trồng và tài sản khác trên đất.

1.8. Ghi nhận các thừa kế Trần Thị R, Trần Thị N, Trần Văn B, Trần Văn N1, Trần Thị M, Trần Văn B1, Lê Thị H2, Lê Văn H từ chối hưởng di sản thừa kế.

2. Ông Đinh Văn Q có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng thừa kế sau:

2.1. Ông Đinh Văn Q trả cho ông Đinh Văn L số tiền 220.125.000 (*Hai trăm hai mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

2.2. Ông Đinh Văn Q trả cho ông Đinh Văn C1 số tiền 221.845.000 (*Hai trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng.

2.3. Ông Đinh Văn Q trả cho bà Đinh Thị C số tiền 5.658.000 (*Năm triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn*) đồng.

2.4. Ông Đinh Văn Q trả cho bà Đinh Thị D số tiền 300.853.000 (*Ba trăm triệu tám trăm năm mươi ba nghìn*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về **quyền đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**, án phí, chi phí do đặc định giá, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/02/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện D3 có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, miễn tiền án phí cho ông C1, bà D và ông L.

Ngày 04/02/2021, ông C1, bà D và ông L có đơn kháng cáo xin được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do các ông bà là người cao tuổi.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện D3 và kháng cáo của ông C1, bà D và ông L, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Về hàng thừa kế: Cụ Đinh Văn D4 (chết năm 1980) và cụ Trần Thị L2 (chết năm 2019) có 09 người con là: Ông Đinh Văn N2 (chết năm 1976- không có vợ con); ông Đinh Văn C2 (chết năm 1976- không có vợ con); bà Phan Thị D5 chết năm 2016; bà Đinh Thị D, sinh năm 1953, ông Đinh Văn L, sinh năm 1960, ông Đinh Văn C1, sinh năm 1957, ông Đinh Văn Q, sinh năm 1962, bà Đinh Thị C, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị C3 chết năm 2011. Cụ D4 và cụ L2 không có con nuôi và không còn con chung nào khác, 02 cụ chết không để lại di chúc.

Bà C3 chết năm 2011, có chồng là ông Lê Thái S, sinh năm 1965. Bà C3 và ông S có 02 con chung: Chị Lê Thị H2, sinh năm 1993 và anh Lê Văn H, sinh năm 2000. Bà C3 chết không để lại di chúc.

Bà D5 chết năm 2016, có chồng là ông Trần Văn Thiết (chết năm 2014). Bà D5, ông Thiết có 06 người con chung: Chị Trần Thị R, sinh năm 1976, chị Trần Thị N, sinh năm 1978, anh Trần Văn B, sinh năm 1980, anh Trần Văn N1, sinh năm 1983, **chị Trần Thị M, sinh năm 1985**, anh Trần Văn B1, sinh năm 1990. Bà D5 chết không để lại di chúc.

Cấp sơ thẩm xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L2 là: Bà D, ông L, ông C1, ông Q, bà C, chị H2, anh H, chị R, chị N, anh Bồng, anh N1, chị M và anh B1 là đúng theo quy định tại Điều 651 và 652 của Bộ luật Dân sự.

Các đương sự: Chị H2, anh H, chị R, chị N, anh Bồng, anh N1, chị M và anh B1 từ chối nhận di sản thừa kế của cụ L2 nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế còn lại chưa chia của cụ L2 gồm có:

Phần 1: Diện tích đất 8.918 m² thửa đất số 462 tờ bản đồ 13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 296 776, sổ vào sổ CS 3355 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ L2 đứng tên ngày 11-11-2019. Trên đất có nhà cấp 4 của ông Q xây dựng.

Phần 2: Diện tích đất 1.130 m² thửa đất số 462 tờ bản đồ 13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 296 775, sổ vào sổ CS 3354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ L2 đứng tên ngày 11/11/2019. Trên đất có nhà cấp 4 của ông Q xây dựng.

02 phần đất cùng tọa lạc tại ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh. Bà C đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng trị giá di sản là 3.076.006.100 đồng.

[3] Về phân chia di sản thừa kế:

Mỗi kỷ phần thừa kế có trị giá 512.668.000 đồng. Ông Q là người sống trên đất, có công tôn tạo, giữ gìn di sản, thờ cúng cụ D4, cụ L2, ông N2 và ông C2 nên tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Q được hưởng phần di sản tương đương 2 kỷ phần thừa kế có giá trị 1.025.335.000 đồng là phù hợp.

[4] Phương thức phân chia di sản:

Ông Q được quyền quản lý, sử dụng 743,5 m² đất tại thửa đất số 27 (trong đó có 100 m² đất ONT; 643,5 m² đất CLN) và 4.598 m² đất CLN tại thửa đất số 462, trị giá đất: 1.773.816.000 đồng.

Bà C được quyền quản lý, sử dụng 386,5 m² đất (100 m² ONT; 286,5 m² đất CLN tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 13), trị giá: 507.010.000 đồng.

Bà D được quyền quản lý, sử dụng 1.132,7 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13), trị giá: 211.814.900 đồng.

Ông L được quyền quản lý, sử dụng 1.564,4 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13), trị giá: 292.542.800 đồng.

Ông C1 được quyền quản lý, sử dụng 1.555,2 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13), trị giá: 290.822.400 đồng.

Ghi nhận các đồng thừa kế không tranh chấp cây trồng trên đất, nếu cây trồng nằm trên phần đất của ai thì người đó được quyền sở hữu.

Có sơ đồ đất kèm theo.

Do ông Q được chia hiện vật có giá trị lớn hơn so với kỷ phần mình được nhận nên ông Q có nghĩa vụ trả chênh lệch giá trị cho những người được hưởng thừa kế khác, cụ thể:

- Thanh toán **cho ông L số tiền 220.125.000 đồng (làm tròn).**
- Thanh toán **cho ông C1 số tiền 221.845.000 đồng (làm tròn).**
- Thanh toán **cho bà C số tiền 5.658.000 đồng (làm tròn).**
- Thanh toán **cho bà D số tiền 300.853.000 đồng (làm tròn).**

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Huyện D3 và kháng cáo của ông C1, ông L và bà D thấy rằng: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1953, ông Đinh Văn L, sinh năm 1960, ông Đinh Văn C1, sinh năm 1957 là những người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cấp sơ thẩm buộc bà D, ông L, ông C1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng không giải thích quyền và nghĩa vụ của đương sự là có thiếu xót. Tại cấp phúc thẩm bà D, ông L và ông C1 nộp cho Tòa án đơn xin miễn tiền án phí; do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, ông L, ông C1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện D3, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D, ông L và ông C1 được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà D, ông L và ông C1 được miễn.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 612, 623, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện D3, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn C1, bà Đinh Thị D và ông Đinh Văn L.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu C3 kiện của bà Đinh Thị C.

Không chấp nhận **yêu cầu** của ông Đinh Văn Q.

1.1. Ông Đinh Văn Q được quyền quản lý, sử dụng 743,5 m² đất tại thửa đất số 27 (trong đó có 100 m² đất ONT; 643,5 m² đất CLN) và 4.598 m² đất CLN tại thửa đất số 462. Trên đất có hai căn nhà cấp 4.

1.2. Bà Đinh Thị C được quyền quản lý, sử dụng 386,5 m² đất (100 m² ONT; 286,5 đất CLN tại thửa đất số 27, tờ bản đồ 13).

1.3. Bà Đinh Thị D được quyền quản lý, sử dụng 1.132,7 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13).

1.4. Ông Đinh Văn L được quyền quản lý, sử dụng 1.564,4 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13).

1.5. Ông Đinh Văn C1 được quyền quản lý, sử dụng 1.555,2 m² đất (loại đất CLN tại thửa đất số 462, tờ bản đồ 13).

Đất cùng tọa lạc tại: Ấp K, xã C3, Huyện D3, tỉnh Tây Ninh. Việc chia đất trên có sơ đồ bản vẽ kèm theo.

1.6. Các diện tích đất các thừa kế được chia trên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 296 776, sổ vào sổ CS 3355; số CT 296 775, sổ vào sổ CS 3354 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Thị L2 đứng tên cùng ngày 11/11/2019.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp cây trồng và tài sản khác trên đất.

Ghi nhận các thừa kế Trần Thị R, Trần Thị N, Trần Văn B, Trần Văn N1, Trần Thị M, Trần Văn B1, Lê Thị H2, Lê Văn H từ chối hưởng di sản thừa kế.

2. Ông Đinh Văn Q có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch cho những người được hưởng thừa kế sau:

2.1. Ông Đinh Văn Q trả cho ông Đinh Văn L số tiền 220.125.000 (*Hai trăm hai mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

2.2. Ông Đinh Văn Q trả cho ông Đinh Văn C1 số tiền 221.845.000 (*Hai trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng.

2.3. Ông Đinh Văn Q trả cho bà Đinh Thị C số tiền 5.658.000 (*Năm triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn*) đồng.

2.4. Ông Đinh Văn Q trả cho bà Đinh Thị D số tiền 300.853.000 (*Ba trăm triệu tám trăm năm mươi ba nghìn*) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về chi phí đo đạc, định giá:

3.1. Ông Đinh Văn C1, ông Đinh Văn L, bà Đinh Thị D mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị C số tiền 7.672.000 (*Bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng.

3.2. Ông Đinh Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị C số tiền 15.344.000 (*Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn*) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Đinh Thị C phải chịu 24.507.000 đồng, được khấu trừ vào 1.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004874 ngày 21-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D3. Bà Đinh Thị C còn phải nộp thêm 22.857.000 (*Hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn*) đồng.

4.2. Ông Đinh Văn C1, ông Đinh Văn L, bà Đinh Thị D được miễn.

4.3. Ông Đinh Văn Q phải chịu 43.060.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004981 ngày 21-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D3. Ông Đinh Văn Q còn phải nộp thêm 42.760.000 (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông C1, ông L và bà D được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Tuấn Vũ